TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20 – 6 - 2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Oanh, ông Hoàng Quốc Tuấn

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Hà – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa*:** Bà Lương Chi Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 151/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Minh T, sinh năm 1976. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Anh T1, sinh năm 1981. Có mặt

Cùng HKTT: Tổ 5, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 4 năm 2023, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Vũ Thị Minh T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Anh T1 đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 02 năm 2018 tại UBND thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 12 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong thời gian chung sống, vợ chồng nảy sinh nhiều bất đồng về tình cảm và kinh tế. Anh chị đã nhiều lần hòa giải nhưng không hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2023 đến

nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng với anh T1 đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết do anh chị không có con chung.

Về chia tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 22 tháng 5 năm 2023, anh T1 trình bày chưa nộp bản tự khai và đề nghị Tòa án giải quyết để vợ chồng đoàn tụ; sau phiên họp, anh T1 sẽ có đơn phản tố chia tài sản chung vợ chồng. Chị T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải do xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được.

Tại đơn đề nghị đề ngày 21 tháng 5 năm 2023, đơn yêu cầu phản tố đề ngày 22 tháng 5 năm 2023, đơn đề nghị xác minh chứng cứ cung cấp cho Tòa án đề ngày 06 tháng 6 năm 2023 đều gửi cho Tòa án sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, anh Phạm Anh T1 trình bày:

Anh T1 thống nhất với ý kiến của chị T về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, gần đây phát sinh mâu thuẫn về việc chi tiêu, làm ăn, vay mượn trong gia đình. Chị T giấu các thông tin về các khoản đầu tư, cho vay, các khoản vay và mục đích sử dụng tài sản chung là tiền của hai vợ chồng không cho anh T1 biết. Anh đề nghị Tòa án giải quyết để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh xác nhận anh và chị T không có con chung

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T1rình bày quá trình chung sống, anh và chị T có các tài sản chung gồm:

- 01 nhà đất tại tổ 8, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Diện tích đất 200m2, thuộc thửa đất số 113 và 114, tờ bản đồ số 49. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 371xxx và CS 371xxx do UBND thành phố Y cấp ngày 26-11-2019. Trên đất có 01 nhà xây cấp 4. Trị giá khoảng 2.000.000.000 đồng.

- 01 xe ô tô MAZDA CX5, biển kiểm soát 21A-139.61 mua năm 2022. Trị giá khoảng 900.000.000 đồng.

- Trái phiếu các năm 2020, 2021, 2022 tổng trị giá 470.000.000 đồng

- Một số tài sản khác gồm tivi, tủ lạnh, máy massage, bộ karaoke, 03 bộ điều hòa…tổng trị giá 300.000.000 đồng.

Các tài sản chung là nhà đất, xe ô tô và các tài sản lớn do chị T cầm và quản lý nên anh không giao nộp được các tài liệu chứng minh về quyền sử dụng, quyền sở hữu, anh đã liên hệ thu thập từ các cơ quan liên quan nhưng không được giải

quyết và đề nghị Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ. Anh có nguyện vọng được hưởng 50% quyền sở hữu đối với các tài sản trên.

Tại phiên tòa, anh T1 xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì, tình cảm vợ chồng vẫn còn, đề nghị Tòa án giải quyết để vợ chồng đoàn tụ. Anh T1 đề nghị nếu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân thì giải quyết cả chia tài sản trong cùng vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự từ khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án đến khi nghị án đã đúng theo quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị Vũ Thị Minh T được ly hôn anh Phạm Anh T1; về chia tài sản: yêu cầu chia tài sản của anh T1 đưa ra sau thời điểm mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên đề nghị không xem xét, giải quyết trong vụ án này và đề nghị giải quyết các vấn đề về án phí, kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về Ly hôn quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tung dân sự. Bị đơn là anh Phạm Anh T1 có hộ khẩu thường trú tại tổ 5, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Chị Vũ Thị Minh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về hôn nhân: anh Phạm Anh T1 và chị Vũ Thị Minh T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 02 năm 2018 tại UBND thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái, tỉnh Yên Bái, là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa anh T1 thay đổi ý kiến, trình bày cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh T1 đều xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có mâu thuẫn về sinh hoạt, kinh tế. Tòa án đã tiến hành phân tích để chị T đoàn tụ với anh T1 nhưng chị T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, kiên quyết ly hôn vì vợ chồng đã sống ly thân, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Anh T1 đề nghị Tòa án giải quyết để vợ chồng đoàn tụ nhưng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó, có căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở và cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Anh T1 và chị T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[4] Về chia tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ anh T1 nộp đơn yêu cầu giải quyết chia tài sản chung khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, anh T1 đã được tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án, yêu cầu chia tài sản chung của anh T1 được đưa ra sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu chia tài sản chung của anh T1 theo quy định tại Điều 200 và Điều 202 của Bộ luật Tố tụng dân sự trong vụ án này. Trường hợp sau khi ly hôn hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản chung thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Vũ Thị Minh T được ly hôn anh Phạm Anh T1

2. Về án phí: Chị Vũ Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2022/0000239 ngày 19-4-2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Chị T đã nộp đủ tiền án phí. Anh Phạm Anh T1 không phải chịu tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Anh T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Vũ Thị Minh T vắng mặt có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh
- VKS TP;
- Chi cục THA TP;
- UBND thị trấn Y;
- Các đương sự (2)
- Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyến